

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2022/HC-PT

Ngày 21-06-2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên.

Ông Lê Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLPT-HC ngày 05/4/2022 về việc: “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 29/2021/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 984/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Thái Thị S, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 183, đường N, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 434/25/15 đường P, phường 9, quận G, Thành phố H.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Vĩnh Kh – Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Minh L; Chức vụ: Phó trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố B (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Thái Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Thái Thị S và người đại diện hợp pháp trình bày:

Phía trước nhà bà S có con kênh chạy qua nhưng đã bị các hộ dân san lấp, xây dựng nhà nên con kênh không thể lưu thông, nước thải bị tù đọng, gây ô nhiễm, ảnh hưởng đến môi trường chung của các hộ dân sống dọc con kênh. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, kinh tế gia đình khó khăn, nên gia đình bà S có vay mượn để xây dựng tạm nhà tiền chế, mục đích để cho thuê mặt bằng và buôn bán kiếm sống qua ngày. Trước khi xây dựng, gia đình bà S có đến UBND thành phố B hỏi về thủ tục xin giấy phép xây dựng thì được hướng dẫn là xây dựng nhà tiền chế không cần phải có giấy phép xây dựng.

Khi gia đình bà S đã xây xong phần nền móng và sắp hoàn thiện nhà tiền chế thì đại diện UBND xã P xuống làm việc không cho tiếp tục xây dựng, với lý do việc xây dựng làm ảnh hưởng đến con kênh. Ngày 11/11/2020, đại diện UBND xã P đến làm việc, trong khi bà Sen vào nhà để lấy giấy tờ thì đại diện UBND xã P đã tự ý thu giữ 01 máy trộn bê tông (nhãn hiệu Minh T) và 01 xe rửa và chuyển về UBND xã P mà không lập biên bản cũng như không có quyết định thu giữ tài sản.

Bà S đã khiếu nại sự việc trên. Trong khi đơn khiếu nại chưa được giải quyết, thì đến ngày 18/12/2020, đại diện UBND xã P giao cho bà Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B (Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC) về xử phạt vi phạm hành chính (XPVPHC). Quyết định nêu trên được lập căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã P lập ngày 11/11/2020 (Biên bản số 01/BB-VPHC), trong khi ngày 11/11/2020, đại diện UBND xã P không hề lập bất cứ biên bản nào. Sau khi nhận Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC, ngày 21/12/2020, bà S đến UBND xã P yêu cầu được cung cấp Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC nhưng đến ngày 23/12/2020 bà mới được giao biên bản này.

Bà S cho rằng, Quyết định hành chính số 4349/QĐ-CPVHC không đúng quy định của pháp luật, bởi vì:

Về hình thức: Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC dựa trên Biên bản số 01/BB VPHC nhưng thực tế UBND xã P không lập biên bản vào ngày 11/11/2020. Hơn nữa, ngày hôm đó, bà Nguyễn Thị Kim L không có mặt nhưng Biên bản số 01/BB-VPHC lại ghi bà L có mặt và ký tên là không đúng. Điều này chứng tỏ biên bản mới được lập sau này để bổ sung và hợp thức hóa việc ra Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC và đến ngày 23/12/2020 bà S mới được giao biên bản là trái quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hạn ban hành quyết định: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn phải ra quyết định là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản. Tuy nhiên, Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC được ban hành sau 29 ngày kể từ ngày lập biên bản là quá thời hạn quy định.

Về thời hạn giao quyết định: Quyết định số 4349/QĐ XPVPHC được ban hành ngày 10/12/2020 nhưng đến ngày 18/12/2020, bà S mới được giao quyết định này. Theo quy định tại Điều 70 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì thời hạn phải thông báo và giao quyết định là 02 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Tuy nhiên, Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC được giao cho bà sau 08 ngày kể từ ngày ra quyết định nên quá thời hạn quy định.

Về nội dung quyết định: Việc xây dựng nhà tiền chế là hành vi của ông Đặng Tấn L. Bà S và ông L đã ly hôn và không còn chung một hộ khẩu. Hộ khẩu của bà S tại tỉnh B. Việc bà S ở tại địa chỉ 183 đường N, ấp P, xã P là để chăm sóc con chung. Vì ông L thường xuyên lái xe đường dài xuyên tỉnh, không thể ở nhà để trông coi việc xây dựng nhà tiền chế nên có nhờ bà trông coi giúp.

Nếu như việc xây dựng nhà tiền chế là vi phạm pháp luật, thì đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính là ông L, không phải là bà S. Tuy nhiên, đối tượng bị xử phạt của Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC là bà S là không đúng. Hơn nữa, theo bà S được biết, thì trước đây, ông L đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng nhà tiền chế nêu trên. Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì một hành vi hành chính không được xử lý hai lần. Vì vậy, Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà S vừa sai đối tượng, vừa trái nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Người bị kiện, Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh B trình bày:

Ngày 07/5/2019, Phòng Quản lý đô thị thành phố B phối hợp với UBND xã P kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đặng Tấn L, tại địa chỉ số 183, đường N, xã P, thành phố B về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng của cơ quan chức năng cấp; Hiện trạng xây dựng: Xây kè hai bên kênh 886, dài 13,5m, rộng 2,6m và xây dựng bó nền nhà dài 13,5m, rộng 9,7m. Phòng Quản lý đô thị đã tham mưu để Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2331/QĐ-XPVPHC ngày 13/5/2019 đối với ông L về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (Quyết định số 2331/QĐ-XPVPHC). Với hình thức phạt chính là phạt tiền, với mức phạt là 15.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả là yêu cầu ông L ngừng ngay việc thi công xây dựng công trình, tự tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt.

Ngày 16/5/2019, Phòng Quản lý đô thị giao Quyết định số 2331/QĐ-XPVPHC cho ông L và yêu cầu thực hiện nghiêm quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên. Qua theo dõi, ông L đã ngưng thi công xây dựng công trình nhưng chưa thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên, gồm cả hình thức phạt chính và biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 28/10/2020, UBND xã P phối hợp Phòng Quản lý đô thị tiến hành kiểm tra công trình xây dựng của bà S. Tại thời điểm kiểm tra, bà S đang thi công xây dựng nhà tiền chế trên thửa đất số 127, tờ bản đồ 22, xã P không có giấy phép xây dựng của cơ quan chức năng cấp, hiện trạng xây dựng khung cột sắt, chưa lợp mái, chưa có vách. UBND xã P lập biên bản yêu cầu bà S tạm ngưng thi công xây dựng, liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục xin phép xây dựng. Tuy nhiên, bà S không hợp tác, không ký tên vào biên bản làm việc. Ngày 04/11/2020, bà S vẫn tiếp tục thi công công trình. Khi UBND xã P đến làm việc, bà S vắng mặt nên đã lập biên bản

yêu cầu tạm ngưng thi công xây dựng, liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục xin phép xây dựng và thông báo đến đơn vị thi công không được tiếp tục thi công.

UBND xã P kiểm tra ghi nhận, bà S tiếp tục lát đan lên phần kè mà ông L đã xây dựng năm 2019 để tạo lối vào công trình nhà tiền chế đang thi công trên thửa đất số 127 và từ công trình nhà tiền chế tiến hành dựng cột sắt trên phần đất lát trên mặt kênh, mái lợp tole trên toàn bộ diện tích phần đan lát qua mặt kênh. Ngày 06/11/2020, UBND xã P tiến hành mời các ban ngành, đoàn thể xã và bà S làm việc để yêu cầu bà thực hiện xin phép xây dựng đối với công trình trên thửa đất số 127 và tháo dỡ toàn bộ diện tích phần mái che trên mặt kênh và đan lát trên mặt kênh trong thời gian 05 ngày.

Ngày 11/11/2020, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà S về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng (xây dựng kios và xây dựng cầu). Bà S không ký tên vào biên bản vi phạm hành chính. Để ngăn chặn hành vi vi phạm, UBND xã P ban hành Quyết định số 284/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 11/11/2020 về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép chứng chỉ hành nghề đối với bà S. Tang vật tạm giữ gồm: 01 máy trộn hồ, 01 xe rùa.

Ngày 23/11/2020, Phòng Quản lý đô thị ban hành Công văn số 1527/QLĐT-KTXD về việc theo dõi việc chấp hành yêu cầu đình chỉ thi công đến UBND xã P. Do nội dung Tờ trình số 1061/TTr-UBND ngày 13/11/2020 của UBND xã P về việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với bà S có hai hành vi vi phạm hành chính là: Xây dựng công trình khác (kios) và xây dựng cầu qua kênh 886 không có giấy phép xây dựng. Ngày 03/12/2020, Phòng Quản lý đô thị tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm. Qua xác minh, Phòng Quản lý đô thị ghi nhận bà S có xây dựng kios, cầu bắc qua kênh 886 không có giấy phép xây dựng của cơ quan chức năng cấp. UBND xã P thống nhất chỉ xử lý hành vi xây dựng công trình khác (kios) không có giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ do ông L đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi xây dựng cầu trước đó.

Ngày 10/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC xử phạt bà S 15.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là yêu cầu bà S trong thời gian 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng. Hết thời gian này, bà S không xuất trình giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm theo quy định. Qua theo dõi, bà S chưa thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBND thành phố B nêu trên mà vẫn tiếp tục xây dựng hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.

Hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng của bà S là vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng. Mặc dù, UBND và ban ngành đoàn thể xã P nhiều lần kiểm tra, hướng dẫn thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng những bà S cố tình vi phạm, không hợp tác với chính quyền địa phương trong thực hiện các quy định của pháp luật.

Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC được ban hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B,

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 79, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Các Điều 26, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4349/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B đối với bà Thái Thị S về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/11/2021, bà Thái Thị S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị S là ông Nguyễn Văn Th vắng mặt nhưng bà S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông Th. Bà S giữ nguyên kháng cáo và trình bày:

Ông Đặng Tấn L và bà là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 124/2012/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố B nhưng không giải quyết về tài sản chung do đương sự không yêu cầu nên phần đất bà S đang sử dụng vẫn là tài sản chung của ông L và bà S.

Nhà tiền chế do bà dựng là của ông L, bà chỉ là người trông coi. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Việc vi phạm của bà S đã được lập biên bản đúng pháp luật. Tuy nhiên, do bà S không hợp tác, cũng không ký biên bản. Bà S là người trực tiếp có hành vi vi phạm hành chính. Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà S là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Việc bà S vi phạm đã được lập biên bản. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 4349/QĐ-XPVPHC ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh B là đúng pháp luật.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. người khởi kiện, bà Thái Thị S kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4349/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố B. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của bà S, thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định 4349/QĐ-UBND: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định 4349/QĐ-UBND đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền là đúng quy định tại các Điều 26, 57, 58, 59, 61, 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2011; Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung của quyết định bị khiếu kiện:

[2.2.1] Ông Đặng Tấn L và bà Thái Thị S được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/3/2019, đối với diện tích 1.195m², thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 22, tại xã P, thành phố B. Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 124/2012/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố B do bà S cung cấp tại phiên tòa thể hiện: Tòa án chỉ công nhận sự thuận tình ly hôn, việc nuôi con và cấp dưỡng giữa ông L với bà S mà không giải quyết tài sản chung do ông L và bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, bà S xác nhận vẫn đang quản lý thửa đất 127 nêu trên.

[2.2.2] Hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 28/10/2020, UBND xã P phối hợp Phòng Quản lý đô thị thành phố B tiến hành kiểm tra việc bà S đang thi công xây dựng công trình nhà tiền chế trên thửa đất số 127, tờ bản đồ 22, xã P. Tuy nhiên, bà S không hợp tác, không ký tên vào biên

bản làm việc. Đến ngày 04/11/2020, do công trình xây dựng của bà S vẫn tiếp tục thi công nên UBND xã P đã lập biên bản yêu cầu bà S tạm ngưng thi công xây dựng. Tại thời điểm lập biên bản bà S vắng mặt. Ngày 11/11/2020, UBND xã P lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà S về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng nhưng bà S không đồng ý ký tên vào biên bản vi phạm hành chính. Ngày 11/11/2020, UBND xã P ban hành Quyết định số 284/QĐ-TGTVPTGPCC về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép chứng chỉ hành nghề đối với bà S. Tang vật tạm giữ gồm: 01 máy trộn hồ, 01 xe rùa.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4349/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà S về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Với hình thức phạt chính là phạt tiền, với mức phạt là 15.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là yêu cầu bà S trong thời gian 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

[3] Quá trình tố tụng, bà S cho rằng ông Đặng Tấn L là người vi phạm nhưng Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà là không đúng pháp luật, thấy rằng:

Tại Biên bản xây dựng công trình do bà S lập ngày 06/11/2020 (bút lục 48 đến bút lục 51), có nội dung: Bà S là người làm nhà tiền chế. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, bà S xác định không cung cấp chứng cứ chứng minh nhà tiền chế là của ông L. Hồ sơ vụ án thể hiện, ông L bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khác với hành vi xây dựng nhà tiền chế không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ. Bà S kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà S phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 26, 57, 58, 59, 61, 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2011; Nghị định số: 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị S.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2021/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4349/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân thành phố B, tỉnh B đối với bà Thái Thị S về hành vi xây dựng công trình khác không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Bà Thái Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005197 ngày 02/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B, bà S đã nộp xong.

4.2 Án phí phúc thẩm: Bà Thái Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002767 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B, bà S đã nộp xong.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (3), HS (2) (BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương